

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2019/DS-ST
Ngày 16 - 7 - 2019
“V/v tranh chấp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Chi

Ông Nguyễn Ngọc Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Độ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 231/2019/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Hồng Đ, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- Bị đơn: Chị Lê Hồng T, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Anh Lâm Thanh D, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Chị Bùi Hồng Đ trình bày: Chị có tham gia 01 phần hụi trong dây hụi mở ngày 15/10/2017 do chị Lê Hồng T và anh Lâm Thanh D làm chủ, loại hụi 500.000 đồng, mỗi tháng khai 02 lần, gồm có 56 phần, chị góp được 26 kỳ với số tiền 13.000.000 đồng, đến ngày 26/12/2018 chị T tuyên bố đình hụi nhưng không giao hụi chết cho chị. Tại đơn khởi kiện chị yêu cầu chị T và anh D trả số tiền nợ hụi

13.000.000 đồng. Tại phiên sơ thẩm chị Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chị T và anh D trả số tiền nợ hội 10.000.000 đồng như tại biên bản hòa giải ngày 22/5/2019, ngoài ra chị Đ không yêu cầu gì khác.

* Tại biên bản hòa giải ngày 22/5/2019, chị Lê Hồng T trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của chị Đ về thời gian mở hội, loại hội, số phần hội chị Đ tham gia, số lần góp hội, số tiền nợ lại đối với 01 phần hội của chị Đ là 13.000.000 đồng. Nay chị thống nhất trả cho chị Đ tổng số tiền nợ hội là 10.000.000 đồng. Ngoài ra chị T xác định việc chị trực tiếp mở hội, gom hội thì anh D đều biết; mục đích chị mở hội để có thêm tiền hoa hồng phục vụ cho chi phí sinh hoạt trong gia đình, nên chị T thống nhất cùng anh D trả cho chị Đ số tiền nợ hội là 10.000.000 đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho anh D nhưng anh D từ chối nhận văn bản với lý do anh không liên quan đến vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Hồng T và anh Lâm Thanh D đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị T và anh D.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc các đương sự có tham gia chơi hội và còn nợ tiền hội là thực tế có xảy ra, việc này được chị Đ và chị T thừa nhận.

[3] Tại đơn khởi kiện, chị Đ yêu cầu chị T và anh D trả số tiền nợ hội 13.000.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa, chị Đ yêu cầu chị T, anh D trả số tiền nợ hội 10.000.000 đồng. Xét thấy, việc chị Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[4] Xét về khoản tiền phải trả, thấy rằng: Tại phiên hòa giải chị Đ và chị T đều xác định không có sổ sách ghi chép số tiền thực tế đã đóng của mỗi kỳ khai hội và cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện số tiền vốn hội là bao nhiêu, nhưng giữa chị Đ và chị T đã thỏa thuận được số tiền nợ hội phải trả là 10.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, sự thỏa thuận giữa chị Đ và chị T sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

[5] Xét về nghĩa vụ trả tiền, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đối với anh D xác định không liên quan đến vụ án, không nhận văn bản tố tụng của Tòa án. Xét thấy: Việc chị T tham gia làm chủ hộ trong khoảng thời gian dài, trong thời gian chị T làm chủ hộ, chị T và anh D vẫn đang tồn tại mối quan hệ hôn nhân và đang sống chung một nhà và anh D có biết việc chị T mở hộ và nợ hộ. Ngoài ra chị T làm chủ hộ cũng vì mục đích để có thêm khoản tiền hoa hồng để phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày trong gia đình. Từ đó, Hội đồng xét xử khẳng định khoản tiền nợ hộ chị Đ là khoản nợ chung của chị T và anh D được phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, do đó chị T và anh D cùng phải có nghĩa vụ trả khoản tiền nợ hộ nêu trên cho chị Đ là phù hợp.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị Đ, buộc chị T và anh D có trách nhiệm trả cho chị Đ số tiền nợ hộ là 10.000.000 đồng.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đ không phải chịu; chị T và anh D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Hồng Đ.

1. Buộc chị Lê Hồng T và anh Lâm Thanh D trả cho chị Đ số tiền nợ hộ là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

2. Kể từ ngày chị Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị T và anh D chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng chị T, anh D còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự: Chị Lê Hồng T và anh Lâm Thanh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng); chị T và anh D chưa nộp.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị T, anh D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- THA huyện Đầm Dơi;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tiêu Hồng Phụng